

Đầu tư xanh - vai trò quan trọng trong phát triển nền tài chính xanh

PGS.TS. ĐỖ HỒNG NHUNG
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- NGÀY NHẬN BÀI: 28/07/2022 ● NGÀY GỬI PHẢN BIỆN: 05/08/2022
- NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 15/08/2022

Tóm tắt: Đầu tư xanh có vai trò quan trọng trong phát triển hệ thống tài chính xanh tại Việt Nam. Nhận diện các điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh là tất yếu. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên khảo sát 208 doanh nghiệp tại Việt Nam về đầu tư xanh, kết quả cho thấy có 10 nhóm điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh tại Việt Nam. Trên cơ sở 10 nhóm điều kiện thúc đẩy này, đề xuất một số khuyến nghị chính sách đối với Chính phủ, các trung gian tài chính, nhà đầu tư, và doanh nghiệp.

Từ khoá: Đầu tư xanh, dự án đầu tư xanh, Việt Nam

Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế để chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa nền kinh tế đang trở thành một trong những ưu tiên của nhiều. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong phát triển kinh tế xanh cho thấy nhiều nước đã chú trọng xây dựng một nền kinh tế xanh khi sử dụng các gói kích thích kinh tế cũng như trong chiến lược phát triển dài hạn của mình như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, một số nước đang phát triển ở châu Á, Mỹ Latinh.

Theo các nghiên cứu của Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) và báo cáo kinh tế xanh của UNEP thì để giảm 1/2 lượng tiêu thụ năng lượng trên toàn thế giới tới năm 2050 cần một lượng đầu tư bổ sung hàng năm ước tính lên tới 1-2,5% GDP toàn thế giới.

Do đó các dự án đầu tư xanh sẽ cho phép các quốc gia thuận lợi hơn trong việc sử dụng nguồn vốn cần thiết để thực hiện quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng xanh hóa.

Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng xanh hơn của các quốc gia, cho thấy vai trò quan trọng

“
THEO CÁC NGHIÊN CỨU CỦA CƠ QUAN NĂNG LƯỢNG QUỐC TẾ (IEA) VÀ BÁO CÁO KINH TẾ XANH CỦA UNEP THÌ ĐỂ GIẢM ½ LƯỢNG TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRÊN TOÀN THẾ GIỚI TỚI NĂM 2050 CẦN MỘT LƯỢNG ĐẦU TƯ BỔ SUNG HÀNG NĂM ƯỚC TÍNH LÊN TỚI 1-2,5% GDP TOÀN THẾ GIỚI.
 ”

của việc sử dụng các nguồn vốn huy động được từ hệ thống tài chính xanh nhằm mục tiêu xanh hóa nền kinh tế. Các quốc gia chỉ có thể được coi là chuyển đổi thành công mô hình tăng trưởng kinh tế khi có thể sử dụng hiệu quả nguồn vốn xanh huy động được để thể đưa ra một kết quả cụ thể là xây dựng được một nền kinh tế xanh đảm bảo phát triển bền vững.

Do vậy, rõ ràng, tầm quan trọng của ngân hàng xanh được khẳng định với vai trò là tổ chức tham gia tích cực trong quá trình huy động nguồn vốn xanh phục vụ cho hệ thống tài chính xanh. Có thể nói, vai trò của hệ thống ngân hàng tài chính trong tái cơ cấu nền kinh tế là không thể phủ nhận, khi mà tái cơ cấu hệ thống tài chính và các tổ chức tín dụng là một trong ba trụ cột của tái cơ cấu nền kinh tế.

Như vậy, có thể nói đầu tư xanh là điều kiện tiên quyết cho việc sử dụng vốn huy động xanh hiệu quả và hướng tới phát triển bền vững nền kinh tế tại Việt Nam. Để có thể thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư xanh, thúc đẩy cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng “xanh hóa”, nghiên cứu các điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh của các doanh nghiệp tại Việt Nam sẽ góp phần nâng cao nhận thức về đầu tư xanh của các doanh nghiệp bao gồm cả góc độ vĩ mô (Chính phủ) và góc độ vi mô (trung gian tài chính, doanh nghiệp, nhà đầu tư).

Đầu tư xanh được hiểu là hoạt động sử dụng nguồn vốn xanh huy động của cả hai khu vực tư nhân và nhà nước để đầu tư vào trong các lĩnh vực (i) cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường như xử lý nước thải, bảo vệ sự đa dạng của hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên; (ii) ngăn ngừa, giảm thiểu hoặc đền bù các tổn hại tới môi trường hoặc khí hậu ví dụ như tiết kiệm

ĐẦU TƯ XANH ĐƯỢC HIỂU LÀ HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN XANH HUY ĐỘNG CỦA CẢ HAI KHU VỰC TƯ NHÂN VÀ NHÀ NƯỚC ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO TRONG CÁC LĨNH VỰC (I) CUNG CẤP HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NHƯ XỬ LÝ NƯỚC THẢI, BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG CỦA HỆ SINH THÁI VÀ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN; (II) NGĂN NGỪA, GIẢM THIỂU HOẶC ĐỀN BÙ CÁC TỔN HẠI TỚI MÔI TRƯỜNG HOẶC KHÍ HẬU VÍ DỤ NHƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG HAY SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO (UNESCAP, 2010).

năng lượng hay sử dụng năng lượng tái tạo (UNESCAP, 2010).

Trong một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, Baietti và cộng sự (2012) đã nhận diện những thách thức chính đối với đầu tư xanh, đó là:

(i) *Giá carbon*: Chỉ khi giá carbon trở nên ổn định hơn, có thể dự báo và đáng tin cậy, thì đầu tư xanh mới trở nên thu hút đối với các nhà đầu tư. Nhóm tư vấn cấp cao của Liên hợp quốc về Tài chính trao đổi khí hậu (The United Nations Secretary-General's High-level Advisory Group on Climate Exchange Financing - AGF 2010) rút ra kết luận rằng nếu giá phát thải carbon là 25 USD/tấn thì sẽ đủ để tăng đầu tư lên 100 tỷ USD mỗi năm, giải quyết nhu cầu của các nước đang phát triển.

(ii) *Trợ cấp nhiên liệu hóa thạch*: Việc định giá thấp chi phí nhiên liệu hóa thạch và giá cũng như phân bổ nguồn lực của công nghệ truyền thống bị bóp méo, đã khiến đầu tư xanh trở nên không hấp dẫn.

(iii) *Chi phí quá cao và thời gian hoàn vốn dài*: Các khoản đầu tư xanh có xu hướng

ngày càng tốn kém, mặc dù một số trong số đó là hợp lý xét về quan điểm tài chính, nhưng đây không phải là trường hợp cho đa số. Đó là lý do tại sao các khoản đầu tư xanh đòi hỏi tỷ suất sinh lợi cao hơn, phải có suất sinh lợi gấp nhiều lần các khoản đầu tư thông thường. Vì vậy, mức tỷ suất sinh lợi của đầu tư xanh nên được các nước hỗ trợ thông qua cơ chế giá hoặc các điều khoản như giấy chứng nhận xanh.

(i) *Rủi ro về công nghệ*: Mỗi công nghệ mới đều có những rủi ro, như khả năng tồn tại và tính năng. Việc tài trợ và phát triển các công nghệ mới có xu hướng trở nên khó khăn hơn, trừ khi nó được hỗ trợ bởi nguồn vốn công hoặc vốn đầu tư mạo hiểm. Nói chung, giới đầu tư tài chính tài chính sẽ không tài trợ cho các dự án cho đến khi mối quan hệ rủi ro - lợi nhuận trở nên ổn định hơn.

(ii) *Rủi ro về doanh thu*: Do các công nghệ mới không chắc chắn về thu nhập và rủi ro, nên các nhà đầu tư hoặc ngân hàng sẽ cân nhắc kỹ việc tài trợ cho các công nghệ mới. Thực tế, chúng có xếp hạng tín dụng thấp và sự cần thiết phải cung cấp tài sản thế chấp để trang trải rủi ro và nhu cầu về tài chính.

Ngoại trừ những trở ngại chính này, một số yếu tố khác ảnh hưởng tới đầu tư xanh của doanh nghiệp ở mức độ thấp hơn như: chi phí giao dịch cao, kiến thức thông tin và khoảng cách về niềm tin, sự tham gia không đủ từ phía các tổ chức quốc tế, giá trị còn lại của tài sản hiện có cần phải được thay thế, chi phí cao để tích hợp các nguồn năng lượng sạch vào hệ thống, rủi ro về chính trị và quy định, quyền sở hữu trí tuệ không rõ ràng, các công cụ tài chính trong nước không đầy đủ, ... (Hoen, H.V., 2014).

Bài viết cũng đưa ra những ngành có hiệu quả môi trường cao như: Dịch vụ ngân hàng, Thiết bị công nghệ, Phần mềm

và công nghệ thông tin; và những ngành có hiệu quả môi trường thấp như: Năng lượng nhiên liệu hóa thạch; Hóa học; Tài nguyên khoáng sản và dịch vụ tiện ích.

Bên cạnh những thách thức, một số động lực được phân tích, đánh giá trong nghiên cứu của Kanak và cộng sự (2019). Nghiên cứu chỉ ra 5 động lực ảnh hưởng đến hơn 60% lên quá trình đầu tư thay đổi theo hướng kinh doanh xanh của tổ chức tại Roma. Dẫn đầu nhóm này là Sự cạnh tranh trong thị trường, tiếp đến Nguồn nhiên liệu khan hiếm, Các quy định mới của chính phủ, Công nghệ thông minh, và Tri thức và sự đổi mới. Trong khi đó, 3 động lực như Năng lượng các bon được thải thấp (37%), Văn hóa xanh (22%) và Tài chính xanh (5%) có ảnh hưởng thấp hơn đến quá trình đầu tư.

Đánh giá của các nhân viên ngân hàng tại Nigeria về cách tiếp cận bền vững của ngân hàng thực hiện bởi (Adedayo và cộng sự, 2019): Mức độ hiệu quả kinh tế của

TRONG NGHIÊN CỨU CỦA EURORA VÀ CỘNG SỰ (2017), ĐẦU TƯ XANH THỂ HIỆN SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC NHÂN TỐ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP. HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH ĐƯỢC ĐO LƯỜNG THÔNG QUA GIÁ TRỊ VỐN HÓA DOANH NGHIỆP, QUI MÔ DOANH NGHIỆP VÀ TỶ LỆ GIÁ TRỊ SỐ SÁCH TRÊN GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP. DOANH NGHIỆP CÓ HIỆU QUẢ MÔI TRƯỜNG CAO SẼ ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC ĐẾN LỢI NHUẬN TRUNG BÌNH CỦA DOANH NGHIỆP ĐÓ. THEO ĐÓ, HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP SẼ TỐT HƠN.

ngân hàng được cho là quan trọng nhất, tiếp đến là mối quan tâm đến lợi ích xã hội, cuối cùng là bảo vệ môi trường. Vị trí của 3 yếu tố này đang thay đổi nhưng khá chậm, Địa điểm ngân hàng khác nhau của mỗi người trả lời thuộc ảnh hưởng đến việc đáp ứng ngân hàng xanh, từ đó phát hiện ra vị trí địa lý của ngân hàng ảnh hưởng đến việc đáp ứng ngân hàng xanh.

Hơn nữa, sản phẩm kinh doanh của ngân hàng là tiền tệ, có tác động không nhỏ đến việc cung ứng vốn cho các doanh nghiệp thực hiện đầu tư xanh. Tuy nhiên, bài nghiên cứu trên và tác giả (Kanak Tara, Saumya Singh ; Ritesh Kumar; Muniyan Sundararajan, 2019) cũng chỉ ra rằng các dịch vụ tài chính xanh còn chưa phát triển tại các ngân hàng, trong khi lĩnh vực này lại có sự tăng trưởng cao nhất trong 20 năm gần đây

Những nhóm nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn nhà cung cấp: trước hết là nhóm nhân tố về Trách nhiệm và môi trường, nhóm Cam kết về môi trường của nhà cung cấp, nhóm Chi phí môi trường. Những nhóm nhân tố cản trở mua sắm xanh theo thứ tự giảm dần: nhóm Thiếu ý thức về môi trường của doanh nghiệp mua và doanh nghiệp bán và đội ngũ quản lí, nhóm Đầu tư vì môi trường, nhóm Những quy định về môi trường lỏng lẻo. Công ty có số lượng mua lớn thì có tương quan mạnh về thực hiện mua sắm xanh (đặc biệt tái chế) hơn. Quan tâm đến trách nhiệm môi trường tăng lên, các doanh nghiệp mua có ý thức tuân thủ quy định về môi trường hơn trong việc mua sắm xanh tích cực hơn. Nhiều doanh nghiệp mua có ý thức mua sắm xanh là cách phản ứng lại những quy định về môi trường để tránh vi phạm luật môi trường hơn là gắn vào mục tiêu môi trường trong chính sách mua dài hạn của doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp coi

thực hiện chương trình vì môi trường như là chi phí hơn là lợi nhuận. Doanh nghiệp mua nhận ra cơ hội tiết kiệm chi phí khi phân tách rác thải tại thời điểm đầu của chuỗi cung ứng. Những chi phí tăng lên liên quan trong hoạt động đầu tư kinh tế được yêu cầu trong những chương trình mua sắm xanh là trở ngại lớn nhất trong thực hiện những chương trình này. (Hokey Min; William P.Galle, 2001)

Những doanh nghiệp lớn có khả năng áp dụng đổi mới môi trường tốt hơn. Các doanh nghiệp đa quốc gia, có trụ sở nước ngoài, mới có thể có đổi mới môi trường. Tuy vậy, tỷ lệ doanh nghiệp này là khá thấp, chỉ chiếm 1% số doanh nghiệp đa quốc gia. Bên cạnh đó, tồn tại ảnh hưởng thay thế giữa những hoạt động đổi mới trong nỗ lực phát triển. DN đầu tư vào nhiều hơn một loại đổi mới công nghệ, nó có thể áp dụng những đổi mới với những lợi ích về môi trường, do đó làm giảm ảnh hưởng đến môi trường. Chiến lược của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng hơn việc DN thuộc ngành nào, như sẵn sàng thay thế công nghệ thân thiện môi trường và chính sách môi trường nghiêm ngặt. Ngành hóa học có phạm vi ảnh hưởng cao nhất trong những đổi mới môi trường, có tương quan với thiên hướng về môi trường. (Valentina và cộng sự, 2012)

Trong nghiên cứu Testa và cộng sự (2015) về các nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược chủ động môi trường tại các công ty quy mô nhỏ và siêu nhỏ chỉ ra rằng áp lực bên ngoài và quan điểm của nhà quản lý là những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chiến lược chủ động môi trường ở cả cấp độ công ty quy mô nhỏ và vi mô. Yếu tố nguồn lực nội bộ có ý nghĩa yếu vì các công ty nhỏ và siêu nhỏ thường là một phần trong chuỗi cung ứng sản xuất và bị ảnh

ĐẦU TƯ XANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM CÒN NHIỀU HẠN CHẾ VÀ CHƯA THỰC SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

hưởng bởi yêu cầu của khách hàng trong những quyết định môi trường và thường không đủ nội lực để diễn giải động lực của thị trường và thêm vào đó, dễ bị thúc đẩy bởi hành vi của đối thủ trong các lựa chọn quản lý môi trường. Trong khi đó, yếu tố thúc đẩy quan trọng nhất là quan điểm cá nhân của nhà quản lý trong các vấn đề về môi trường (Testa và cộng sự, 2015).

Xét trong thị trường tại Nam Phi mà cụ thể là 100 công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Johannesburg mà có tham gia vào dự án kiểm soát khí thải các bon CDP, với phát hiện chính các nhân tố tác động tới hoạt động đầu tư xanh của doanh nghiệp là pháp luật về môi trường, hình ảnh doanh nghiệp, lợi nhuận và ý thức môi trường. Các quy định về môi trường gây áp lực lên doanh nghiệp bằng cách làm cho vấn đề môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu; thúc đẩy công ty công bố rộng rãi các sáng kiến

về môi trường và chung tay vào các hoạt động vì môi trường để giảm thiểu các phí liên quan. Hình ảnh của doanh nghiệp được thể hiện thông qua việc triển khai và công bố các báo cáo môi trường, giúp cải thiện tính pháp lý về môi trường của doanh nghiệp đó, do đó cải thiện hình ảnh của công ty. Ngược lại, sự quan tâm gia tăng của công chúng và nhà nước về môi trường ảnh hưởng xấu đến các công ty thể hiện hoạt động bảo vệ môi trường yếu kém. Lợi nhuận tài chính bền vững trong dài hạn được tạo ra bởi các hoạt động đầu tư xanh thân thiện với môi trường bởi sự giảm thiểu ô nhiễm tạo ra một nguồn tiết kiệm chi phí đáng kể và làm gia tăng lợi nhuận tài chính. Nhận thức môi trường gia tăng về chính sách xanh là một động lực chính cho công ty mở rộng hoạt động đầu tư xanh cũng như thực hiện các sáng kiến đổi mới xanh (Fortune, 2016).

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, các điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh được phát triển trên: (i) 8 động lực giúp thúc đẩy quá trình đầu tư xanh, từ đó làm biến đổi các mô hình đầu tư theo hướng: mô hình đầu tư truyền thống sang mô hình đầu tư hỗn hợp sang mô hình đầu tư xanh; (ii) 5 cam kết theo nghiên cứu của Michelin.

BẢNG 1: ĐIỀU KIỆN THỨC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Điều kiện	Điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh của doanh nghiệp	Nghiên cứu trước
1	HB_LV	Hiểu biết như thế nào về đầu tư xanh	(Michelin, 2016); (Eyraud L., Clements B., Wane A., 2013); (Marian C. V., Mirela P., Irina R., 2015); (Eyraud et al., 2011); (Fortune G. et. al., 2015)
2	DTH	Thực hiện dự án đầu tư xanh	(Fortune G., Collins C. Ngwakwe C.A., 2015); (Ernesto Cassetta and Marco Pini., 2017)

TT	Điều kiện	Điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh của doanh nghiệp	Nghiên cứu trước
3	NDA	Lĩnh vực đầu tư xanh	(Michelin, 2016); (Eyraud L. et. al., 2013)
4	TCV	Nguồn vốn tài trợ cho hoạt động đầu tư xanh và mức độ hài lòng của doanh nghiệp	(Marian C. V., Mirela P., Irina R., 2015); (Michelin, 2016); (OECD, 2012)
5	UDVV	Những ưu đãi dành cho hoạt động đầu tư xanh khi tiếp cận nguồn vốn vay	(Ritu, 2014); (Vivid Economics và McKinsey., 2011); Adedayo O. et. al., 2019)
6	KKVV	Những khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay tài trợ cho hoạt động đầu tư xanh	(Peter et.al, 2011); (Eyraud L. et. al., 2013)
7	STH	Doanh nghiệp có dự định thực hiện dự án đầu tư xanh	Maria Margosi. (n.d.); (Ernesto C. and Marco P., 2017)
8	NV	Nguồn vốn mà doanh nghiệp hướng tới để tài trợ cho dự án đầu tư xanh	(Michelin, 2016); (Fortune G. et al., 2015)
9	CSHT	Chính sách hỗ trợ phát triển đầu tư xanh của Chính phủ	(Robert Heinkel et al., 2015); (Michelin, 2016); (Ernesto C. and Marco P., 2017); (Phakathi, B., 2017); (German Development Institute., 2016)
10	CSNH	Chính sách hỗ trợ phát triển đầu tư xanh của Ngân hàng	(Ritu, 2014); (United Nations Environment Programme (UNEP), 2009); (Vivid Economics and McKinsey., 2011).
11	DXCP_NH	Đề xuất đối với Chính phủ, ngân hàng để việc tiếp cận vốn vay đối với các dự án đầu tư xanh dễ dàng hơn	(Michelin, 2016); (Fortune, G., 2016); (OECD, 2012); (Marian C. V. et. al., 2015); (German Development Institute., 2016)

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu)

Trên cơ sở thông tin khảo sát, các điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh được thực hiện kiểm định xác định và nhận diện những nhân tố tác động tới đầu tư xanh của các doanh nghiệp nghiên cứu.

Dữ liệu được thu thập từ khảo sát nhận thức về đầu tư xanh của 208 doanh nghiệp tại Việt Nam. Các doanh nghiệp khảo sát được phân loại theo ngành nghề kinh doanh, cụ thể:

VỚI NHÂN TỐ VỐN TỰ CÓ CHO ĐẦU TƯ XANH (TCV1), CÓ THỂ THẤY CÁC DỰ ÁN CHO ĐẦU TƯ XANH CÓ THỜI GIAN THỰC HIỆN TƯƠNG ĐỐI DÀI VÀ QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ LỚN, THU HỒI VỐN KÉO DÀI. ĐIỀU NÀY GÂY RA ÁP LỰC LỚN CHO DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA RA QUYẾT ĐỊNH CÓ LỰA CHỌN ĐẦU TƯ CHO CÁC DỰ ÁN XANH KHÔNG. ĐỒNG THỜI VỚI ĐÓ, CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XANH CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LUÔN GẮN KẾT VỚI Ý THỰC VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI. TUY VẬY, QUA KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÓ THỂ THẤY, MỘT ĐIỂM KHÁ TÍCH CỰC LÀ NHẬN THỨC CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VỀ ĐẦU TƯ XANH BẮT ĐẦU ĐƯỢC HÌNH THÀNH, TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC NÂNG LÊN VÀ TẠO NỀN TẢNG THUẬN LỢI CHO VIỆC LỰA CHỌN ĐẦU TƯ XANH.

CÁC ĐIỀU KIỆN THỨC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH TẠI VIỆT NAM

Đầu tư xanh của doanh nghiệp tại Việt Nam còn nhiều hạn chế và chưa thực sự hình thành và phát triển.

Vì vậy, trên cơ sở phiếu khảo sát 208 doanh nghiệp và kết quả phiếu khảo sát thu được. Nhiều dữ liệu trong bảng hỏi các doanh nghiệp chưa nhận thức được thông tin về đầu tư xanh đầy đủ. Có đến 46 doanh nghiệp không trả lời hầu hết câu hỏi. Vì vậy, để đảm bảo độ tin cậy của kiểm định, các doanh nghiệp này bị loại bỏ khi phân tích nhân tố khám phá tác động tới đầu tư xanh.

Qua nghiên cứu cho thấy những nhân tố tác động tới đầu tư xanh của doanh nghiệp theo 10 nhóm điều kiện. Cụ thể:

- [1] Cơ sở hạ tầng cho đầu tư xanh
- [2] Khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn tài trợ cho hoạt động đầu tư xanh
- [3] Ưu đãi tiếp cận vốn cho đầu tư xanh
- [4] Hiểu biết đầu tư xanh
- [5] Hỗ trợ từ Chính phủ, ngân hàng về tiếp cận vốn cho đầu tư xanh
- [6] Nguồn vốn có thể tiếp cận cho đầu tư xanh
- [7] Ý kiến khác: chính sách hỗ trợ của Chính Phủ và chính sách hỗ trợ tiếp cận

vốn của Ngân hàng

[8] Doanh nghiệp có kế hoạch thực hiện dự án đầu tư xanh

[9] Doanh nghiệp đã có dự án đầu tư xanh

[10] Những ưu đãi đặc thù của đầu tư xanh

Với nhân tố vốn tự có cho đầu tư xanh (TCV1), có thể thấy các dự án cho đầu tư xanh có thời gian thực hiện tương đối dài và quy mô vốn đầu tư lớn, thu hồi vốn kéo dài. Điều này gây ra áp lực lớn cho doanh nghiệp khi đưa ra quyết định có lựa chọn đầu tư cho các dự án xanh không. Đồng thời với đó, các dự án đầu tư xanh cho phát triển bền vững luôn gắn kết với ý thực và trách nhiệm xã hội. Tuy vậy, qua kết quả khảo sát có thể thấy, một điểm khá tích cực là nhận thức của các doanh nghiệp về đầu tư xanh bắt đầu được hình thành, trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp được nâng lên và tạo nền tảng thuận lợi cho việc lựa chọn đầu tư xanh.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH TẠO ĐIỀU KIỆN THỨC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH TẠI VIỆT NAM

Nhìn chung, cũng theo kết quả khảo sát này, vấn đề khó khăn thách thức lớn nhất

là tiếp cận vốn cho các dự án đầu tư xanh. Những khó khăn từ các chủ thể tham gia thị trường. Một số khuyến nghị sau nhằm tăng cường các điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh tại Việt Nam, như sau:

Về phía Chính phủ: Khung khổ pháp lý với những chính sách và quy định hỗ trợ chưa thực sự đầy đủ, dễ tiếp cận, tính rõ ràng, minh bạch của các nội dung; Sự phối hợp trong hoạt động quản lý giám sát của các cơ quan có liên quan; Đặc biệt là cần tạo hành lang chính sách ưu đãi mang tính đặc thù riêng cho hoạt động đầu tư xanh. Chính phủ cần giữ vai trò khơi thông nguồn vốn cho hoạt động này. Cho tới thời điểm hiện tại, thống kê những dự án đầu tư xanh, số liệu và nguồn vốn cho dự án đầu tư xanh còn rất hạn chế, thiếu thông tin, cũng chưa thực sự có những quy định rõ ràng về việc tổng hợp những số liệu này.

Về phía các trung gian tài chính: việc vẫn còn tồn tại tâm lý e ngại và tâm lý chưa sẵn sàng của các quỹ đầu tư, các ngân hàng khiến việc tiếp cận nguồn vốn của các doanh nghiệp có ý định thực hiện dự án đầu tư xanh trở nên khó khăn hơn.

Về phía nhà đầu tư: thiếu khung khổ rõ ràng, thông tin chưa thực sự minh bạch và sự e ngại của các trung gian tài chính là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới sự kém hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Về phía doanh nghiệp: thiếu vốn, cơ sở hạ tầng, chính sách hỗ trợ nên việc đầu tư còn khá nhiều hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp chưa thực sự biết tới quỹ đầu tư xanh, vốn xanh như phát hành trái phiếu xanh, tín dụng xanh và các công cụ huy động nợ xanh khác. Các doanh nghiệp được khảo sát chưa tiếp cận được các thông tin về danh mục các dự án đầu tư xanh, các dự án ưu tiên đầu tư bảo vệ môi trường, các tiêu chí,

hướng dẫn cụ thể, chính xác để lựa chọn dự án đầu tư xanh♦

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baietti A., Shlyakhtenko A., La Rocca R., and D. Patel U. (2012). *Green Infrastructure Finance*. World Bank.
- Cassetta, E. and Pini, M. (2017). *The green investments and competitiveness of the Italian manufacturing system*. *Sinergie Italian Journal of Management*, (102), pp.141-163.
- Eurora Kodra; Kleopatra Partalidou. (2017). *Do Markets Reward Green Investing?*. LUP student paper.
- Eyraud, L., Clements, B. and Wane, A., (2013). *Green investment: Trends and determinants*. *Energy Policy*, 60, pp.852-865.
- Fortune, G., Collins, C. and Ngwakwe, C. (2015). *The role of corporate green investment practices on sustainable development*.
- Fortune, G., Ngwakwe, C. and Ambe, C. (2017). *Determinants of corporate green investment practices in the Johannesburg Stock Exchange listed firms*. *International Journal of Sustainable Economy*, 9(3), p.250.
- German Development Institute. (2016). *Green Finance: Actors, Challenges and Policy Recommendations*
- Heinkel, R., Kraus, A. and Zechner, J. (2001). *The Effect of Green Investment on Corporate Behavior*. *The Journal of Financial and Quantitative Analysis*, 36(4), p.431.
- Hoen, H.V. (2014). *Globalization and institutional change: are emerging market economies in Europe and Asia converging?* *Economics, Management and Financial Markets*, 44-66.
- Kanak Tara, Saumya Singh ; Ritesh Kumar; Muniyan Sundararajan. (2019). *Geographical Locations of Banks as an Influencer for Green Banking Adoption*. *Indian journal of management*, vol 12(1).
- Margosi, M. (2018). *A green investment integration in a growth model*.